

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung kinh phí thực hiện một số chính sách an sinh xã hội
do trung ương ban hành năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục và số 57/2017/NĐ-CP ngày 05/5/2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và số 339/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền; số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của của Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 6552/STC-QLNS ngày 28/7/2026 và ý kiến thống nhất Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung 426.194 triệu đồng cho các xã, phường, đặc khu (trừ xã Tư Nghĩa và phường Trà Câu) để thực hiện một số chính sách an sinh xã hội do

trung ương ban hành năm 2026 (trong đó, ngân sách trung ương đảm bảo là 419.259 triệu đồng, ngân sách địa phương đảm bảo là 6.935 triệu đồng), chi tiết như Phụ lục đính kèm. Nguồn kinh phí thực hiện:

1. Nguồn cải cách tiền lương năm 2026 của tỉnh là 419.259 triệu đồng;
2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 tại Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh là 6.935 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện về việc thẩm tra hồ sơ, mức và nguồn kinh phí đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung kinh phí cho UBND các xã, phường, đặc khu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành năm 2026, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, đúng quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, cấp phát kinh phí cho các cơ quan tại Điều 1 Quyết định này theo quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

a) Chi trả đảm bảo đúng đối tượng theo quy định và chịu trách nhiệm về kinh phí đã chi trả, tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực khi thực hiện chính sách.

b) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán nguồn kinh phí được cấp để thực hiện chính sách đảm bảo theo quy định hiện hành.

3. Kho bạc nhà nước khu vực XV chịu trách nhiệm kiểm soát chi, thanh toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB:CVP, PCVP, P. KGVX;
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

